

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /4/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 02 tấn/giờ.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 01 tấn/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Dòng khí thải**

TT	Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Dòng khí thải	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)
1	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 02 tấn/giờ	KT1	10.000
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 01 tấn/giờ	KT2	6.500

**2.2. Phương thức xả khí thải**

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn trong ngày không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  (Áp dụng hệ số  $K_p = 1$ ,  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
			Giá trị C = C <sub>max</sub>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

#### 2.4. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 01 (KT1): Tọa độ X(m) = 2258952; Y(m) = 0560136.
- Nguồn số 02 (KT2): Tọa độ X(m) = 2258888; Y(m) = 0560612.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01 và nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi được thu gom bằng đường ống, quạt hút về hệ thống để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 02 ống phóng không.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi được thu gom xử lý qua 02 hệ thống xử lý khí thải và thải ra 02 ống phóng không có quy trình giống nhau.

Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Cyclon → Tháp hấp thụ (sử dụng nước vôi trong) → Quạt hút → Ống khói cao 21 m so với mặt đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi (CaO) 250 kg/năm.

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Chủ dự án bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách môi trường của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

#### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2024).

#### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 02 tấn/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 01 tấn/giờ.

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như nêu tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm  
Như nêu tại mục 2.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống phóng không của 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải, thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp để xử lý./.